

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho giai đoạn ba tháng và cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (trình bày lại)	Cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010	Cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	6.122.110.935	284.172.996.209	742.144.505.477	475.040.110.304
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	6.122.110.935	284.172.996.209	742.144.505.477	475.040.110.304
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	1.675.116.306	133.816.600.531	297.133.194.387	219.697.899.180
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.446.994.629	150.356.395.678	445.011.311.090	255.342.211.124
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	336.365.516.867	1.282.783.935	715.398.101.189	94.054.338.888
22	7. Chi phí tài chính	26	63.470.426.192	9.328.590.881	161.009.595.762	22.666.161.103
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		58.843.900.612	7.525.275.256	155.012.504.025	18.899.149.400
24	8. Chi phí bán hàng		5.383.379	452.400.072	4.172.669.064	1.120.804.882
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		41.739.746.536	18.345.337.179	82.995.777.564	35.529.808.189
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		235.596.955.389	123.512.851.481	912.231.369.889	290.079.775.838
31	11. Thu nhập khác	27	16.295.977	3.252.301	559.899.227	51.979.377.981
32	12. Chi phí khác	27	27.355.834	196.311	464.587.358	220.989.142
40	13. Lợi nhuận khác	27	(11.059.857)	3.055.990	95.311.869	51.758.388.839
45	14. Phần lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	15.1	860.098.857	1.090.047.135	4.832.009.385	(185.311.621)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		236.445.994.389	124.605.954.606	917.158.691.143	341.652.853.056

Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - CTCP

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho giai đoạn ba tháng và cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010	Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (trình bày lại)	Cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2010	Cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2009 (trình bày lại)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	30.245.626.186	3.817.281.974	183.800.537.026	19.059.875.797
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		206.200.368.203	120.788.672.632	733.358.154.117	322.592.977.259
61	18.1. Lợi ích của các cổ đông thiểu số	33	(1.490.721.687)	15.084.904.528	5.211.860.567	15.981.063.860
62	18.2. Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ		207.691.089.890	105.703.768.103	728.146.293.550	306.611.913.399
80	19. Lãi trên cổ phiếu					
	- Lãi cơ bản	31	716	544	2.513	1.579
	- Lãi suy giảm	31	716	544	2.513	1.579

Trần Ngọc Diệp
Kế toán trưởng

Ngày 19 tháng 11 năm 2010



Đặng Thành Tâm
Tổng Giám đốc